Ngày soạn: 5/10/2026
Tiết : 14,15,16.
GV: Nguyễn Văn Sáu

KẾ HOẠCH BÀI DẠY
BÀI 4. AN SINH XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Kiến thức

- Nêu được khái niệm và vai trò của an sinh xã hội.
- Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội.
- Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản.

2. Năng lực

- Điều chỉnh hành vi: Thực hiện được trách nhiệm của công dân về an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp.
- Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội: Tìm hiểu và lấy dẫn chứng minh họa sự cần thiết của an sinh xã hội; Tham gia các hoạt động tuyên truyền, động viên mọi người tham gia các chính sách an sinh theo đúng chủ trương, chính sách của Nhà nước.

3. Phẩm chất

- Nhân ái: Chủ động, tích cực vận động người khác tham gia vào các chính sách an sinh xã hội.
- Trách nhiệm: Tự giác thực hiện trách nhiệm công dân về an sinh xã hội; hướng dẫn và nhắc nhở người khác cùng thực hiện.

4. Nội dung tích hợp

- Tích hợp quyền con người

+ Mức độ tích hợp: *Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt:* Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội.

+ Cách thức thực hiện: Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của an sinh xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập.

- Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức lối sống

+ Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội của nhà nước

+ Cách thức thực hiện: Giáo viên cung cấp cho học sinh thông tin về các hoạt động tình nguyện như: Tình nguyện mùa đông, Nghĩa tình biên giới hải đảo, thắp nến tri ân…Từ những hoạt động này, giáo viên giúp học sinh rút ra được bài học cho bản thân, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.

- Tích hợp khung năng lực số và nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AL

+ Nội dung tích hợp năng lực số: NL 2.1. Tương tác thông qua công nghệ số: Tương tác thông qua các công nghệ số khác nhau và nhận biết được phương tiện giao tiếp số nào phù hợp cho một bối cảnh cụ thể.

+ Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AL: NLc: Các kĩ thuật và ứng dụng AI: biết sử dụng công cụ lập trình AI cơ bản tạo ra sản phẩm AI hỗ trợ học tập để thấy được vai trò, ý nghĩa của chính sách an sinh xã hội

+ Cách thức thực hiện: GV yêu cầu học sinh sử dụng các công cụ số và công cụ hỗ trợ Al để tuyên truyền về chính sách an sinh xã hội mà Nhà nước đang triển khai

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 12;
- Tranh/ảnh, clip, câu chuyện, trò chơi, ví dụ thực tế,... liên quan tới bài học;
- Trích một số điều luật liên quan nội dung bài học;
- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu. Tạo cảm hứng học tập cho HS kích thích nhu cầu tìm hiểu, khám phá kiến thức mới của các em, giúp các em huy động những kiến thức, kĩ năng cần thiết của bản thân để giải quyết vấn đề.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi: *Các hình ảnh trên gợi cho em về chính sách an sinh xã hội nào của Nhà nước*? *Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về chính sách đó*.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu nhận biết được một số biểu hiện của chính sách an sinh xã hội thường gặp

- Hình ảnh 1 và 2 gợi cho em liên tưởng đến chính sách trợ giúp xã hội của Nhà nước Việt Nam.

- Chia sẻ hiểu biết: Chính sách trợ giúp xã hội nhằm bảo vệ phổ cập đối với mọi thành viên trong xã hội trên cơ sở sự tương trợ cộng đồng, chia sẻ rủi ro. Nó bao gồm: các chính sách trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng cho những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (người cao tuổi, người khuyết tật nặng, trẻ mồ côi...) và trợ cấp xã hội đột xuất cho người dân khi gặp phải những rủi ro, khó khăn bất ngờ như thiên tai, hoả hoạn, dịch bệnh.,... giúp họ ổn định cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

GV giao nhiệm vụ cho HS quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi: *Các hình ảnh trên gợi cho em về chính sách an sinh xã hội nào của Nhà nước*? *Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về chính sách đó*.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

An sinh xã hội luôn là một chính sách quan trọng và là vấn đề trung tâm trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Các chính sách an sinh xã hội góp phần đảm bảo những quyền lợi cơ bản nhất của con người, xoá dần sự bất bình đẳng, đảm bảo ổn định, tạo động lực phát triển kinh tế – xã hội

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: AN SINH XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CƠ BẢN

a) Mục tiêu. HS nêu được khái niệm an sinh xã hội, nêu được tên, đặc điểm và ý nghĩa của các chính sách an sinh xã hội cơ bản.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và ô Em có biết trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ *Em hãy đọc các nội dung trên và cho biết an sinh xã hội là gì*.

2*/ Hãy nêu tên, đặc điểm và ý nghĩa của các chính sách an sinh xã hội cơ bản*.

3/ Qua những thông tin trên, em hãy giải thích sự cần thiết của các chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay.

Tích hợp quyền con người

Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Giải thích được một cách đơn giản sự cần thiết của an sinh xã hội.

Giáo viên hướng học sinh hiểu được ý nghĩa của an sinh xã hội trong việc thực hiện các quyền con người như: Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập.

- Tích hợp khung năng lực số và nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AL

+ Nội dung tích hợp năng lực số: NL 2.1. Tương tác thông qua công nghệ số: Tương tác thông qua các công nghệ số khác nhau và nhận biết được phương tiện giao tiếp số nào phù hợp cho một bối cảnh cụ thể.

+ Nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo AL: NLc: Các kĩ thuật và ứng dụng AI: biết sử dụng công cụ lập trình AI cơ bản tạo ra sản phẩm AI hỗ trợ học tập để thấy được vai trò, ý nghĩa của chính sách an sinh xã hội

+ Cách thức thực hiện: GV yêu cầu học sinh sử dụng các công cụ số và công cụ hỗ trợ Al để tuyên truyền về chính sách an sinh xã hội mà Nhà nước đang triển khai

Sử dụng công cụ số để làm só đồ tư duy về các loại chính sách an sinh xã hội, đặc điểm của từng chính sách. Phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa các chính sách

Vi deo ngắn minh họa về từng chính sách cơ bản

c) Sản phẩm.

Học sinh trả lời được các câu hỏi theo các nội dung dưới đây:

1/ Khái niệm an sinh xã hội: là các chính sách, chương trình của Nhà nước hỗ trợ phúc lợi cho người dân thông qua các hình thức như: xây dựng nhà ở xã hội; hỗ trợ tiền cho các hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt; chính sách hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật,...

2/ Tên, đặc điểm và ý nghĩa của các chính sách an sinh xã hội cơ bản:

a. Chính sách hỗ trợ việc làm, thu nhập và giảm nghèo:

- Chính sách tín dụng ưu đãi tạo việc làm: Nhà nước thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm và các nguồn tín dụng khác.

- Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn: căn cứ chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội, Nhà nước hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn. Khi đó, người lao động ở khu vực nông thôn tham gia chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm được hưởng các chế độ sau đây: Hỗ trợ học nghề; Tư vấn miễn phí về chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, học nghề; Giới thiệu việc làm miễn phí. (Điều 15 Luật Việc làm năm 2013).

Chính sách việc làm công: được thực hiện thông qua các dự án hoặc hoạt động sử dụng vốn nhà nước gắn với các chương trình phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn cấp xã, bao gồm: Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp; Xây dựng cơ sở hạ tầng công cộng; Bảo vệ môi trường Ứng phó với biến đổi khí hậu; Các dự án, hoạt động khác phục vụ cộng đồng tại địa phương. (Điều 18 Luật Việc làm năm 2013).

Các chính sách hỗ trợ khác:

+ *Hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng*: Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho người lao động có nhu cầu và khả năng đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Một số đối tượng được Nhà nước hỗ trợ: Học nghề, ngoại ngữ; hiểu biết phong tục, tập quán, pháp luật của Việt Nam và nước tiếp nhận lao động; Đào tạo, nâng cao trình độ kĩ năng nghề để đáp ứng yêu cầu của nước tiếp nhận lao động; Vay vốn với lãi suất ưu đãi.

+ *Hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên:* Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân giải quyết việc làm cho thanh niên; tạo điều kiện cho thanh niên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tạo việc làm. Tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm miễn phí cho thanh niên; Đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế – xã hội; Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp.

+ *Hỗ trợ phát triển thị trường lao động:* Nhà nước hỗ trợ phát triển thị trường lao động thông qua các hoạt động sau đây: Thu thập, cung cấp thông tin thị trường lao động, phân tích, dự báo thị trường lao động, kết nối cung cầu lao động; Hiện đại hoá hoạt động dịch vụ việc làm và hệ thống thông tin thị trường lao động; Đầu tư nâng cao năng lực trung tâm dịch vụ việc làm; Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển thị trường lao động.

b. Chính sách về bảo hiểm:

– *Bảo hiểm xã hội:* Theo quy định tại Điều 4 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, các chế độ bảo hiểm xã hội tại Việt Nam gồm 5 chế độ sau: Chế độ ốm đau; Chế độ thai sản; Chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp; Chế độ hưu trí; Chế độ tử tuất; và chia thành hai loại hình bảo hiểm (bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện). + *Bảo hiểm xã hội bắt buộc*: là một loại hình bảo hiểm xã hội do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động phải tham gia (khoản 2 Điều 3 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014). Bảo hiểm xã hội bắt buộc giúp bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do bị ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết. Đối tượng bắt buộc tham gia bảo hiểm xã hội bao gồm người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, người sử dụng lao động và một số đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

+ *Bảo hiểm xã hội tự nguyện;* là loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người tham gia bảo hiểm được quyền lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với tài chính của mình. Ngoài ra, Nhà nước cũng có chính sách hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với một số đối tượng đặc biệt để họ có thể được hưởng các quyền lợi của bảo hiểm xã hội tự nguyện. Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện sẽ được hưởng hai chế độ là hưu trí và tử tuất.

Bảo hiểm y tế: là một loại hình bảo hiểm thuộc lĩnh vực chăm sóc sức khoẻ cộng đồng. Theo đó, người mua bảo hiểm y tế sẽ được chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí thăm khám, điều trị, phục hồi sức khoẻ,... nếu không may xảy ra tai nạn, ốm đau, bệnh tật. Bảo hiểm y tế là một hình thức bảo vệ sức khoẻ và an toàn cho người dân khi gặp phải các rủi ro về sức khoẻ, bệnh tật, tai nạn. Người tham gia bảo hiểm y tế sẽ được hưởng nhiều quyền lợi khi đi khám chữa bệnh như sau: Được cấp thẻ bảo

hiểm y tế; Được đóng bảo hiểm y tế theo hộ gia đình; Được lựa chọn cơ sở khám chữa bệnh ban đầu; Được khám chữa bệnh; Được thanh toán chi phí khám chữa bệnh theo chế độ bảo hiểm y tế.

Bảo hiểm thất nghiệp: là chế độ bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi bị mất việc làm, hỗ trợ người lao động học nghề, duy trì và tìm kiếm việc làm trên cơ sở đóng vào Quỹ bảo hiểm thất nghiệp (khoản 4 Điều 3 Luật Việc làm năm 2013). Đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp được liệt kê tại Điều 43 Luật Việc làm bao gồm: Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên, trừ người đang hưởng lương hưu, lao động giúp việc gia đình; Người sử dụng lao động (Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị vũ trang nhân dân; Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị – xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp; Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam; Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, hộ kinh doanh, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động theo hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động).

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc có hiệu lực, người sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.

Theo Điều 42 Luật Việc làm năm 2013, chính sách bảo hiểm thất nghiệp bao gồm: trợ cấp thất nghiệp; hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm; hỗ trợ học nghề; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kĩ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động. Mỗi chế độ lại yêu cầu những điều kiện hưởng nhất định.

c. Chính sách trợ giúp xã hội:

Chính sách trợ giúp xã hội là sự đảm bảo của Nhà nước, sự hỗ trợ của cộng đồng về thu nhập và các điều kiện sống thiết yếu bằng các hình thức và biện pháp khác nhau đối với các thành viên trong xã hội khi họ rơi vào cảnh rủi ro, bất hạnh, nghèo đói, yếu thế hoặc hẫng hụt trong cuộc sống mà bản thân họ không đủ khả năng tự lo được cuộc sống của bản thân và gia đình ở mức tối thiểu. Trợ giúp xã hội có những nội dung và hình thức ở các mức độ khác nhau tuỳ thuộc vào tính chất khó khăn nhiều hay ít, tạm thời hay lâu dài, hoàn cảnh bản thân và gia đình họ gia nhập quan hệ nào của trợ giúp xã hội. Thông qua sự trợ giúp của Nhà nước, nhân dân và cộng đồng, chính sách trợ giúp xã hội nhằm bảo đảm thu nhập và các điều kiện sinh sống ở mức tối thiểu (bằng các hình thức và biện pháp khác nhau) đối với các đối tượng gặp rủi ro, bất hạnh, nghèo đói, thiệt thòi trong cuộc sống không đủ khả năng tự lo được cuộc sống của bản thân và gia đình.

Nội dung chính sách trợ giúp xã hội gồm:

– *Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng,* bao gồm: Trợ cấp xã hội hàng tháng; Cấp thẻ bảo hiểm y tế; Trợ giúp giáo dục, đào tạo và dạy nghề.

– *Trợ giúp xã hội đột xuất:* Hỗ trợ lương thực; Hỗ trợ người bị thương nặng; Hỗ trợ chi phí mai táng; Hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở; Hỗ trợ khẩn cấp trẻ em khi cha, mẹ bị chết, mất tích do thiên tai, hoả hoạn hoặc lí do bất khả kháng; Hỗ trợ tạo việc làm, phát triển sản xuất.

d. Chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản:

Hệ thống an sinh xã hội được triển khai thông qua hệ thống các cơ chế, chính sách cung cấp các dịch vụ cho người dân với những cấp độ khác nhau. Tuỳ theo trình độ phát triển và điều kiện của mỗi nước, có những quy định về mức độ đảm bảo cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu cho người dân nói chung, hoặc theo các đối tượng, trong các lĩnh vực chủ yếu (như về giáo dục, chăm sóc sức khoẻ, nhà ở, văn hoá – thông tin,...). Ở Việt Nam, Đảng và Nhà nước xác định phải từng bước cung cấp cho nhân dân ngày càng tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu sau: *bảo đảm giáo dục tối thiểu; bảo đảm y tế tối thiểu; bảo đảm nhà ở tối thiểu; bảo đảm nước sạch; bảo đảm thông tin.*

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các thông tin và ô Em có biết trong SGK và trả lời câu hỏi: 1/ *Em hãy đọc các nội dung trên và cho biết an sinh xã hội là gì.* 2/ *Hãy nêu tên, đặc điểm và ý nghĩa của các chính sách an sinh xã hội cơ bản.* *3/ Qua những thông tin trên, em hãy giải thích sự cần thiết của các chính sách an sinh xã hội ở nước ta hiện nay.* **Thực hiện nhiệm vụ**	**1. AN SINH XÃ HỘI VÀ MỘT SỐ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI CƠ BẢN** *a. Khái niệm và sự cần thiết của an sinh xã hội.* An sinh xã hội là hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân về xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm

- Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. **Báo cáo, thảo luận** GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi**,** các HS khác bổ sung ý kiến. **Kết luận, nhận định** – GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Khái niệm an sinh xã hội: là các chính sách, chương trình của Nhà nước hỗ trợ phúc lợi cho người dân thông qua các hình thức như: xây dựng nhà ở xã hội; hỗ trợ tiền cho các hoàn cảnh khó khăn, đặc biệt; chính sách hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật,... An sinh xã hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, chẳng hạn như: Đảm bảo các điều kiện sống và phát triển tốt nhất cho người dân, bao gồm an toàn, sức khoẻ, giáo dục, lao động, thu nhập, chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác; Giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp,... Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực, năng lực và năng suất lao động của các cá nhân và cộng đồng; Tạo ra môi trường sống an toàn, bình đẳng và công bằng cho người dân, thể hiện quyền cơ bản của con người, chủ nghĩa nhân đạo của	ổn định, phát triển và công bằng xã hội. An sinh xã hội có ý nghĩa quan trọng trong đời sống xã hội, chẳng hạn như: Đảm bảo các điều kiện sống và phát triển tốt nhất cho người dân, bao gồm an toàn, sức khoẻ, giáo dục, lao động, thu nhập, chăm sóc xã hội và các quyền lợi khác; Giúp giảm bớt gánh nặng chi phí cho người dân trong các lĩnh vực như y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp,... Thúc đẩy sự phát triển bền vững của xã hội, góp phần tăng cường nguồn lực, năng lực và năng suất lao động của các cá nhân và cộng đồng; Tạo ra môi trường sống an toàn, bình đẳng và công bằng cho người dân, thể hiện quyền cơ bản của con người, chủ nghĩa nhân đạo của b. Các chính sách an sinh xã hội cơ bản Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam bao gồm các chính sách cơ bản sau: chính sách hỗ trợ việc làm, chính sách về bảo hiểm, chính sách trợ giúp xã hội, chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Vai trò của an sinh xã hội

a) Mục tiêu. HS nêu được vai trò của an sinh xã hội.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung và thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

1/ Qua các thông tin trên, em hãy nhận xét kết quả của việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội của Việt Nam.

2/ *Theo em, các chính sách an sinh xã hội có vai trò như thế nào đối với người thụ hưởng chính sách và sự phát triển kinh tế – xã hội?*

- Tích hợp nội dung giáo dục đạo đức lối sống

+ Mức độ tích hợp: Tích hợp bộ phận vào yêu cầu cần đạt: Thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội của nhà nước

+ Cách thức thực hiện: Giáo viên cung cấp cho học sinh thông tin về các hoạt động tình nguyện như: Tình nguyện mùa đông, Nghĩa tình biên giới hải đảo, thắp nến tri ân…Từ những hoạt động này, giáo viên giúp học sinh rút ra được bài học cho bản thân, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng.

+ Thông tin : Đoàn Thanh niên đã thể hiện được vai trò xung kích trong công tác chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng. Phong trào "Đền ơn đáp nghĩa - Uống nước nhớ nguồn" do tổ chức Đoàn Thanh niên phát động đã triển khai tu sửa, làm đẹp các nghĩa trang liệt sĩ và tượng đài Tổ quốc ghi công; thăm hỏi, giúp đỡ, tặng quà gia đình chính sách, thương binh, liệt sỹ, Mẹ Việt Nam anh hùng; khám bệnh, phát thuốc miễn phí; tặng học bổng cho con em gia đình chính sách. Vào dịp kỷ niệm ngày thương binh, liệt sỹ 27/7 hàng năm, tổ chức Đoàn trên cả nước đồng loạt tổ chức Lễ thắp nến tri ân, dâng hương, hoa tưởng nhớ đến công lao các anh hùng, liệt sỹ trong các nghĩa trang, đài tưởng niệm liệt sỹ, đã để lại ấn tượng tốt trong nhân dân cả nước, nhắc nhở thanh niên ngày nay về những hy sinh của thế hệ cha anh trong công cuộc bảo vệ chủ quyền đất nước.

Các hoạt động của các tổ chức đoàn các cấp đã góp phần đảm bảo đời sống người có công không ngừng được cải thiện. Đến cuối năm 2015, hơn 98% hộ gia đình chính sách người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình hộ dân cư nơi cư trú.

Giai đoạn 2008-2014, các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm của các cấp bộ Đoàn đã tư vấn, truyền thông về nghề nghiệp, việc làm cho gần 6,4 triệu lượt thanh niên, bình quân 1,28 triệu người/năm.

Các hoạt động của Đoàn đã góp phần cùng với cả nước giải quyết việc làm cho khoảng 7,827 triệu lao động trong giai đoạn 2011-2015, trong đó tạo việc làm trong nước khoảng 7.349 nghìn người; xuất khẩu lao động trên 478 nghìn người[4]. Nhờ vậy, tỷ lệ thất nghiệp chung có xu hướng giảm, đến Quý 3/2015, tỷ lệ thất nghiệp của những người trong độ tuổi lao động còn 2,35%; trong đó khu vực thành thị là 3,38%; khu vực nông thôn là 1,86%.
Các trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề và các cơ sở đào tạo của các cấp bộ Đoàn đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng lực lượng lao động, hỗ trợ tạo việc làm cho người lao động. Hiện nay, 50% lực lượng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tỷ lệ lực lượng lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ chiếm trên 20%.

Tuy nhiên, giải quyết và đảm bảo việc làm bền vững cho thanh niên vẫn là một áp lực lớn, tỷ lệ thanh niên thất nghiệp cao gấp ba lần so với tỷ lệ thất nghiệp chung. Chất lượng việc làm thấp, 53% lao động tập trung ở ngành nông nghiệp, lao động tự làm và lao động không hưởng lương, luôn đối mặt với việc làm bấp bênh, thu nhập thấp, không tiếp cận được các chính sách an sinh xã hội. Hiện nay, mới có 23% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội; khoảng 18% lực lượng lao động có bảo hiểm thất nghiệp.

c) Sản phẩm.

1/ Nhận xét kết quả của việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội của Việt Nam:

– Trong suốt quá trình đổi mới phát triển và hội nhập, Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, nổi bật là thể chế thị trường lao động từng bước được hoàn thiện, trở thành giải pháp cơ bản để giải quyết việc làm; các chương trình và giải pháp tạo việc làm đã được triển khai đồng bộ, hiệu quả. Theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, bình quân hằng năm, Việt Nam đã giải quyết việc làm cho khoảng từ 1,5 – 1,6 triệu người và đưa trên 100 nghìn lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tỉ lệ thất nghiệp luôn duy trì ở mức thấp. Cùng với đó, giảm nghèo bền vững tiếp cận đa chiều được triển khai quyết liệt, đồng bộ với nhiều mô hình mới, cách làm hay, gắn kết giữa tạo sinh kế, việc làm, đào tạo nghề và xuất khẩu lao động; nhiều địa phương đã ban hành các chính sách khuyến khích, hỗ trợ người dân chủ động vươn lên thoát nghèo. Kết quả giảm nghèo cải thiện đáng kể ở tất cả các vùng, miền trên cả nước. Công tác giảm nghèo bền vững được nhân dân đồng tình ủng hộ và quốc tế đánh giá cao.

Bảo hiểm xã hội đã từng bước khẳng định và phát huy vai trò là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội hướng đến mục tiêu bao phủ bảo hiểm xã hội toàn dân. Bảo hiểm thất nghiệp đã trở thành "điểm tựa" quan trọng, hỗ trợ hiệu quả cả doanh nghiệp và người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động, mất việc làm. Độ bao phủ của bảo hiểm thất nghiệp không ngừng được mở rộng.

– Chính sách trợ giúp xã hội bao gồm các chính sách về trợ giúp xã hội thường xuyên và trợ giúp xã hội đột xuất. Số người hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên tăng lên hằng năm. Chính sách trợ giúp xã hội đột xuất đã bao phủ các nhóm đối tượng cần hỗ trợ, bảo đảm người dân khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời, đạt mục tiêu đề ra. Cơ chế, chính sách được đổi mới, tạo hành lang pháp lí cho khu vực ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ. Các mô hình chỉnh hình phục hồi chức năng cho người khuyết tật, trẻ em khuyết tật dựa vào cộng đồng, các mô hình hỗ trợ các đối tượng đặc biệt (phụ nữ và trẻ em bị bạo lực gia đình, bị mua bán, xâm hại) được Nhà nước và xã hội quan tâm, phát triển.

– Hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người yếu thế và đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện về số lượng và chất lượng, góp phần nâng cao phúc lợi, đảm bảo cuộc sống an toàn và hạnh phúc của nhân dân. Bên cạnh đó, các lĩnh vực: giáo dục tối thiểu, y tế tối thiểu, nhà ở tối thiểu, nước sạch, tiếp cận thông tin đã đạt kết quả tích cực.

2/ Vai trò của các chính sách an sinh xã hội đối với người thụ hưởng chính sách và sự phát triển kinh tế – xã hội:

– Đảm bảo thu nhập ở mức tối thiểu là một trong những chức năng cơ bản nhất của an sinh xã hội. An sinh xã hội có nhiệm vụ cung cấp (có điều kiện hoặc không có điều kiện) mức tối thiểu thu nhập. Điều này nhằm bảo đảm quyền sống tối thiểu của con người, bao gồm các quyền về ăn, sức khoẻ, giáo dục, nơi ở cũng như một số dịch vụ xã hội cơ bản nhằm bảo vệ con người khỏi bị đói nghèo do không có thu nhập tạm thời hoặc vĩnh viễn.

– Phân phối thu nhập là một trong những chức năng quan trọng của an sinh xã hội. Phân phối thu nhập nhằm bảo đảm thu nhập cho những người không có khả năng tạo thu nhập. Các chính sách giảm nghèo, các hình thức hỗ trợ xã hội thường xuyên và đột xuất cho các nhóm đối tượng yếu thế

trong bảo hiểm y tế thể hiện rõ chức năng chia sẻ rủi ro. Đồng thời, còn giúp phân phối lại thu nhập của an sinh xã hội, ngay cả khi phân phối không dựa trên sự đóng góp, mà dựa vào nhu cầu của cá nhân cũng như khả năng bảo đảm của ngân sách nhà nước.

– Phòng ngừa rủi ro giúp người dân chủ động ngăn ngừa rủi ro trong cuộc sống, sức khoẻ, sản xuất kinh doanh và biến đổi môi trường. Khắc phục rủi ro là giúp người dân hạn chế tối đa các tác động bất ngờ do các biến cố trong đời sống, sức khoẻ, sản xuất kinh doanh, và môi trường tự nhiên và bảo đảm điều kiện sống tối thiểu của người dân.

– Hệ thống an sinh xã hội thúc đẩy thị trường việc làm bền vững, tăng cường kĩ năng và các cơ hội tham gia thị trường lao động cho người lao động bằng cách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, phát triển thị trường lao động. Ngoài ra, còn hỗ trợ tạo việc làm trực tiếp cho một bộ phận người lao động thông qua các chương trình cho vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho lao động bị thu hồi đất, lao động di cư,....

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Giao nhiệm vụ học tập GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nội dung và thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi: *1/ Qua các thông tin trên, em hãy nhận xét kết quả của việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội của Việt Nam.* 2/ *Theo em, các chính sách an sinh xã hội **có** vai trò như thế nào đối với người thụ hưởng chính sách và sự phát triển kinh tế – xã hội?* **Báo cáo thảo luận** - GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến. - GV mời một vài HS nêu ví dụ ví dụ tương ứng với các loại hình bảo hiểm đã vẽ trong sơ đồ **Kết luận, nhận định** Đảm bảo thu nhập ở mức tối thiểu là một trong những chức năng cơ bản nhất của an sinh xã hội. An sinh xã hội có nhiệm vụ cung cấp (có điều kiện hoặc không có điều kiện) mức tối thiểu thu nhập. Điều này nhằm bảo đảm quyền sống tối thiểu của con người, bao gồm các quyền về ăn, sức khoẻ, giáo dục, nơi ở cũng như một số dịch vụ xã hội cơ bản nhằm bảo vệ con người khỏi bị đói nghèo do không có thu nhập tạm thời hoặc vĩnh viễn. Hệ thống an sinh xã hội thúc đẩy thị trường việc làm bền vững, tăng cường kĩ năng và các cơ hội tham gia thị trường lao động cho người lao động bằng cách hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động, phát triển thị trường lao động. Ngoài ra, còn hỗ trợ tạo việc làm trực tiếp cho một bộ phận người lao động thông qua các chương trình cho vay vốn tín dụng ưu đãi, hỗ trợ chuyển đổi việc làm cho lao động bị thu hồi đất, lao động di cư,....	**2. VAI TRÒ CỦA AN SINH XÃ HỘI** Vai trò của an sinh xã hội: Đối với đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội: được hỗ trợ giải quyết việc làm; tăng thu nhập cho người yếu thế, được cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, giáo dục, nước sạch, nhà ở, thông tin,... Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: giúp nâng cao hiệu quả quản lí xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo, giảm bất bình đẳng, thu hẹp chênh lệch về điều kiện sống theo vùng, các nhóm dân cư đồng thời góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người cần.

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết ý kiến của mình về những nhận định sau:

a) Mục tiêu. HS củng cố và hoàn thiện kiến thức vừa học. Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân với những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 1 trong SGK để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

c) Sản phẩm.

a. An sinh xã hội là hệ thống các chính sách và chương trình do Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm bảo đảm cho mọi người dân ít nhất có được mức tối thiểu về thu nhập, có cơ hội tiếp cận ở mức tối thiểu về các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu, như giáo dục, *y* tế, nhà ở, nước sạch, thông tin,...

An sinh xã hội nhằm góp phần giảm thiểu tối đa mức độ nghèo đói, những tổn thương, rủi ro xã hội mà người dân gặp phải. Việc này giúp cho họ vẫn giữ được những quyền lợi cơ bản nhất của con người**,** vẫn có được một mức thu nhập tối thiểu để duy trì cuộc sống, từ đó dần thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn.

b. Quyền được hưởng an sinh xã hội đã được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận với tư cách là một quyền cơ bản của công dân tại Điều 34: "Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội"; đồng thời khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm quyền hưởng an sinh xã hội: "Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác". Quy định của Hiến pháp về quyền an sinh xã hội được cụ thể hoá trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành như: Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Người cao tuổi, Luật Trẻ em, Luật Người khuyết tật, Luật Bảo hiểm y tế, Luật An toàn vệ sinh lao động,... Các luật trong lĩnh vực này bảo đảm tốt hơn các quyền của công dân được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ y tế có chất lượng, các dịch vụ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, tạo cơ sở pháp lí để thực hiện các chính sách ưu đãi xã hội đối với các đối tượng chính sách, bảo vệ người tiêu dùng; giải quyết tốt hơn mối quan hệ gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện chính sách xã hội nói chung, chính sách lao động và an sinh xã hội nói riêng theo nguyên tắc công bằng và tiến bộ xã hội.

c. Trong thời gian qua ở Việt Nam, hệ thống chính sách trợ giúp xã hội không ngừng được mở rộng, bao phủ các nhóm đối tượng từ trẻ sơ sinh đến người già; hỗ trợ không chỉ người nghèo, hộ nghèo mà còn là người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, đồng bào dân tộc thiểu số, những người bị ảnh hưởng bởi bão lũ, thiên tai,... Mức chuẩn trợ cấp được điều chỉnh tăng, điều kiện hưởng và hình thức hỗ trợ ngày càng đa dạng. Nguồn lực thực hiện chính sách trợ giúp xã hội được đa dạng, kết hợp ngân sách địa phương và của xã hội. Các hình thức trợ giúp ngày càng đa dạng, bao gồm tiền mặt hằng tháng, tiền nuôi dưỡng trong các cơ sở bảo trợ xã hội; hỗ trợ về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch,...

d. An sinh xã hội luôn là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển đất nước. Các chính sách không ngừng được cải cách, phù hợp với nhu cầu mong muốn thiết thực của người dân. Một số chính sách an sinh xã hội hiện nay được Nhà nước chú trọng và không ngừng cải thiện: Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thất nghiệp; Chính sách về xoá đói giảm nghèo; Chính sách trợ giúp xã hội cho người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; Các chính sách về đảm bảo y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch,...

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định ở bài luyện tập số 1 trong SGK để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

Câu 2. Em hãy cho biết các thông tin dưới đây đề cập đến việc thực hiện chính sách an sinh xã hội nào. Điều này mang lại lợi ích gì cho những người thụ hưởng và xã hội?

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến các vấn đề cơ bản về chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc các nhận định trong bài luyện tập số 2 để đưa ra nhận xét của mình đối với những nhận định đó.

c) Sản phẩm.

a. Thông tin trên đề cập đến chính sách hỗ trợ việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo. Chính sách này đã hỗ trợ tạo và tự tạo việc làm cho lao động nông thôn bằng nhiều mô hình hiệu quả như: hợp tác xã sản xuất hàng thủ công mĩ nghệ; các vùng nuôi trồng thuỷ hải sản; mô hình kinh tế trang trại, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống. Chính sách này đã tập trung đầu tư triển khai thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch giảm nghèo; nhiều mô hình phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế có hiệu quả kinh tế cao được triển khai và nhân rộng; người nghèo được tiếp cận đầy đủ các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng để phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập; một số nhu cầu xã hội thiết yếu của người nghèo cơ bản được đáp ứng, giúp người nghèo cải thiện điều kiện sống.

b. Thông tin trên đề cập đến chính sách về bảo hiểm y tế tự nguyện. Bảo hiểm y tế tự nguyện là một hình thức bảo hiểm do Nhà nước cung cấp để hỗ trợ người dân về chi phí khám chữa bệnh khi ốm đau hoặc tai nạn. Ở trường hợp này, chị H đã được hưởng các chính sách về chăm sóc sức khoẻ, được hỗ trợ thanh toán chi phí khám chữa bệnh. Dưới góc độ xã hội, bảo hiểm y tế là cách tốt nhất để mọi người giúp nhau chia sẻ rủi ro khi bị bệnh tật, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

c. Chính sách ưu đãi người có công với cách mạng luôn chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống chính sách an sinh xã hội của nước ta. Đó là chính sách đặc biệt, thực hiện cho những đối tượng đặc biệt, thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với người có công với cách mạng, tiếp nối truyền thống tốt đẹp và đạo lí "Uống nước, nhớ nguồn" của dân tộc. Cùng với bảo đảm chế độ trợ cấp ưu đãi thường xuyên, nhiều chính sách hỗ trợ khác cũng được ban hành và thực hiện, như: chính sách ưu đãi về nhà ở; chính sách ưu đãi trong giáo dục, đào tạo đối với con của người có công; chăm sóc sức khoẻ; ưu tiên vay vốn từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm để phát triển sản xuất; hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh của thương, bệnh binh và người có công,... tạo điều kiện cho con em họ có việc làm, tăng thu nhập, ổn định cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS nghiên cứu từng ý kiến trong bài tập 2, bày tỏ quan điểm và đưa ra giải thích về sự lựa chọn đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

Kết luận, nhận đinh

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận:

Câu 3. Em hãy kể tên và làm rõ vai trò của các chính sách an sinh xã hội cơ bản trong việc đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân nơi em đang sống.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của chính sách an sinh xã hội

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 3 trong SGK: *Em hãy kể tên và làm rõ vai trò của các chính sách an sinh xã hội cơ bản trong việc đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân nơi em đang sống*.

c) Sản phẩm.

- Chính sách hỗ trợ việc làm => vai trò: đảm bảo thu nhập tối thiểu cho người lao động và giảm nghèo bền vững, tăng cường cơ hội việc làm cho người lao động yếu thế.
- Chính sách bảo hiểm xã hội => vai trò: giúp người lao động và gia đình của họ phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, ổn định cuộc sống khi thu nhập bị giảm hoặc bị mất khi gặp phải rủi ro.
- Chính sách hỗ trợ người có công và thân nhân người có công với cách mạng => vai trò: tri ân những người có công với cách mạng; giúp những người có công với cách mạng và thân nhân của họ giảm thiểu khó khăn trong cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 3 trong SGK: *Em hãy kể tên và làm rõ vai trò của các chính sách an sinh xã hội cơ bản trong việc đảm bảo ổn định cuộc sống cho người dân nơi em đang sống*.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo cặp, hai nhóm thảo luận cùng một trường hợp, mời đại diện nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận, nhóm 2 phản biện, bổ sung, sau đó GV nhận xét và kết luận

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được việc cần thiết phải tham gia và tuân thủ các quy định của nhà nước về vai trò của an sinh xã hội.

Câu 4. Em hãy nêu trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại địa phương.

a) Mục tiêu. HS vận dụng các kiến thức đã học để tham gia giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tế cuộc sống thấy được ý nghĩa của chính sách an sinh xã hội

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 4 trong SGK: *Em hãy nêu trách nhiệm của bản thân mình trong việc góp phần thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại địa phương*.

c) Sản phẩm.

- Để phát huy trách nhiệm công dân về an sinh xã hội, mỗi cá nhân, tổ chức cần:

+ Nhận thức đúng đắn về vai trò của an sinh xã hội;

+ Tích cực tham gia và tuyên truyền, vận động mọi người thực hiện các chính sách về an sinh xã hội để không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Phê phán, đấu tranh chống lại các hành vi đi ngược lại chủ trương, chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ HS đọc yêu cầu bài luyện tập số 4 trong SGK: *Em hãy nêu trách nhiệm của bản thân mình trong việc góp phần thực hiện các chính sách an sinh xã hội tại địa phương*.

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm theo cặp, hai nhóm thảo luận cùng một trường hợp, mời đại diện nhóm 1 trình bày kết quả thảo luận, nhóm 2 phản biện, bổ sung, sau đó GV nhận xét và kết luận

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được việc cần thiết phải tham gia và tuân thủ các quy định của nhà nước về vai trò của an sinh xã hội.

4. Hoạt động: Vận dụng

Em hãy tìm hiểu một số chính sách an sinh xã hội ở địa phương và viết báo cáo thu hoạch thể hiện ý nghĩa của chính sách đó.

a) Mục tiêu. HS tự giác áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề an sinh xã hội trong thực tiễn cuộc sống.

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy tìm hiểu một số chính sách an sinh xã hội ở địa phương và viết báo cáo thu hoạch thể hiện ý nghĩa của chính sách đó.

c) Sản phẩm.

- Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến vấn đề an sinh xã hội trong thực tiễn cuộc sống.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng: Em hãy tìm hiểu một số chính sách an sinh xã hội ở địa phương và viết báo cáo thu hoạch thể hiện ý nghĩa của chính sách đó.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh hiểu hơn trách nhiệm của mình đối với việc tìm hiểu và thực hiện các chính sách an sinh xã hội